

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành đơn giá bán nước sạch nông thôn
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng – Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc Ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 219/TTr-SNN ngày 20/02/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá bán nước sạch nông thôn (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các hộ gia đình (dân cư), cơ quan hành chính - đơn vị sự nghiệp, hoạt động sản xuất vật chất, kinh doanh dịch vụ thuộc khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đơn giá

a) Sinh hoạt các hộ gia đình (dân cư):

- Mức từ 01m³ - 10m³ đầu tiên (hộ/tháng)
- Mức trên 10m³ - 20m³ (hộ/tháng)

5.000đ/m³

6.000đ/m³



- | | |
|--|------------------------|
| - Mức trên 20m ³ (hộ/tháng) | 7.000đ/m ³ |
| b) Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: | 7.400đ/m ³ |
| c) Hoạt động sản xuất vật chất: | 9.000đ/m ³ |
| d) Kinh doanh dịch vụ: | 10.000đ/m ³ |

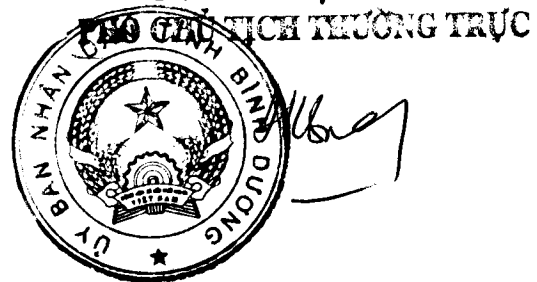
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/3/2017 và thay thế Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 01/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đơn giá bán nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, XD, NN-PTNT;
- Cục kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- UB MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh Bình Dương;
- LĐVP (Lg, Th), Tn, Km, TH, HCTC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH



Mai Hùng Dũng